

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-11-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 08 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Qua mai mối của gia đình nên bà T và ông D kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2009, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông D thường xuyên đánh đập bà T. Thời gian qua bà T có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn hôn nhân nhưng ông D vẫn tiếp tục hành hung bà T, mặc dù

khuyên can nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi tính tình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tyêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

- Về nuôi con chung: Có 07 người con.
- + Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1991 (nữ);
- + Huỳnh Thị M, sinh năm 1993 (nữ);
- + Huỳnh Tứ H, sinh năm 1998 (nam);
- + Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/2003 (nữ);
- + Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2005 (nữ);
- + Huỳnh Phúc H, sinh ngày 04/12/2008 (nam);
- + Huỳnh Bảo A, sinh ngày 01/5/2010 (nam).

Hiện nay Mỹ C, Thị M, Tứ H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, các người con còn lại gồm N, Lan A, Phúc H và Bảo A đang sống với gia đình. Khi ly hôn, bà Tyêu cầu nuôi N, Lan A, Phúc H và Bảo A, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về chia tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn D:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Tyêu cầu ly hôn, nuôi con, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông D vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị T bảo lưu quan điểm nêu trên, bà Tyêu cầu ly hôn với ông D, yêu cầu nuôi các người con là N, Lan A, Phúc H và Bảo A, các người con còn lại của bà T và ông D đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ông D, bà T tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, người nào lo phận nấy. Hiện nay bà T làm nghề mua phế liệu, thu nhập bản thân đủ đảm bảo cho cuộc sống các người con, riêng ông D không có nghề nghiệp ổn định.

Ông Huỳnh Văn D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Nguyễn Thị Tyêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn D, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà T và ông D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với ông Huỳnh Văn D đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn D.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D, qua mai mối và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1990, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 24 tháng 12 năm 2009, hôn nhân mới lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 280, quyển số: 02/2009. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông D thường xuyên bạo lực gia đình đối với bà T, bà T nhiều lần khuyên can nhưng ông D vẫn không sửa đổi. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, người nào lo phận nấy. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn D. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông D không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà T, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông D không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Huỳnh Văn D theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 07 người con.

- + Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1991 (nữ), đã lập gia đình riêng;
- + Huỳnh Thị M, sinh năm 1993 (nữ), đã lập gia đình riêng;
- + Huỳnh Tứ H, sinh năm 1998 (nam);
- + Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/2003 (nữ);
- + Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2005 (nữ);
- + Huỳnh Phúc H, sinh ngày 04/12/2008 (nam);
- + Huỳnh Bảo A, sinh ngày 01/5/2010 (nam).

Hiện nay Mỹ C, Thị M, Tứ H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, các người con còn lại gồm N, Lan A, Phúc H và Bảo A đang sống với gia đình. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi N, Lan A, Phúc H và Bảo A, ông D không có ý kiến phản hồi. Yêu cầu nuôi con của bà T là chính đáng, bà T có nguồn thu nhập ổn định, cuộc sống của các cháu thời gian qua được đảm bảo. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao các cháu N, Lan A, Phúc H và Bảo A cho bà T trực

tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu tại các Biên bản (V/v ghi lời trình bày của đương sự) ngày 25/9/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Tphải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Tđược khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D.

2. Về nuôi con chung: Có 07 người con.

+ Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1991 (nữ), đã lập gia đình riêng;

+ Huỳnh Thị M, sinh năm 1993 (nữ), đã lập gia đình riêng;

+ Huỳnh Tứ H, sinh năm 1998 (nam);

+ Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/2003 (nữ);

+ Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 01/01/2005 (nữ);

+ Huỳnh Phúc H, sinh ngày 04/12/2008 (nam);

+ Huỳnh Bảo A, sinh ngày 01/5/2010 (nam).

Hiện nay Mỹ C, Thị M, Tứ H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, các người con còn lại gồm N, Lan A, Phúc H và Bảo A đang sống với gia đình. Khi ly hôn, giao các cháu N, Lan A, Phúc H và Bảo A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006859 ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền